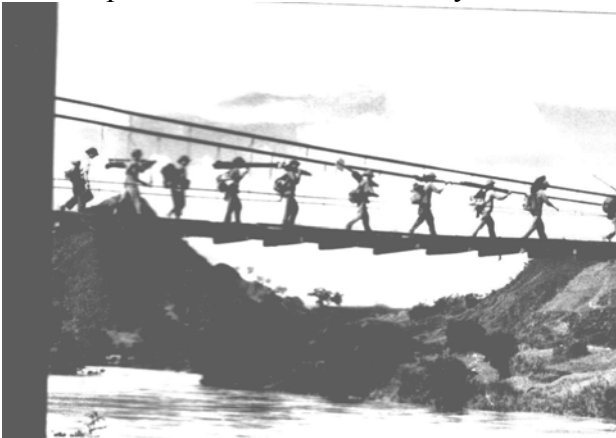


Nhưng cũng không đúng hẳn, vì trong tháng 2 của năm ấy, Nhật Bản đã khôn khéo ký kết không xâm lược với Staline để Ông này rảnh tay phía Đông và tấn công Đức Quốc đồng minh của Nhật !

Về phần Nhật Bản, nước này đã bị loại khỏi cộng đồng quốc tế SDN (Société des Nations) từ vụ Mãn Châu năm 1932. Năm 1939, Nhật Bản lại trách cứ Chánh Phủ Édouard Daladier của Pháp để cho vỏ khí được chuyên chở đến



Tàu Dân Quốc ngang qua cảng Hải Phòng và đường hoả xa Vân Nam. Như vậy, tháng 6 năm 1940 không phải là khởi điểm cuộc chiến mà chính sự sụp đổ quân sự [bên Pháp] làm cho đòi hỏi của Nhật Bản tăng phần hăm dọa. Thêm vào đó, khi cuộc chiến khởi đầu tháng chín năm 1939, Pháp lại hồi hương nhiều phương tiện phòng thủ làm cho Viễn Đông thuộc Pháp lại suy yếu thêm, nhiều thanh niên Pháp tự động hồi hương chống Đức và Ý thay vì ở lại để chờ chống Nhật Bản.

Khi Xiêm La tấn công Đông Dương, Pháp mới thấy hệ thống phòng thủ của mình xáo trộn, người lính bốn xứ [Việt Nam, Cao Miên và Lào] không hết mình đánh giặc. Trong lúc đó, hải quân Anh Quốc lại ngăn cản tiếp viện Pháp từ Phi Châu qua.

Đối với những nhà trách nhiệm chánh trị và quân sự Pháp tại Hà Nội và ngay trong chánh phủ, nguy hiểm nhất cho sự có mặt Pháp tại Đông Dương vẫn là Tàu Dân Quốc [Thiên Địa Hội, vân vân ...], kẻ vị của đế quốc Tàu với Cờ Đen thừa nào [Cờ Đen bị đô đốc Courbet đánh

bại nhiều trận trên bộ, nhất là trận Sơn Tây ngày 16 tháng chạp năm 1883 ghi trong quân sử, đô đốc đô bộ lên Đài Loan đuổi theo họ, nhưng bị họ giết ngày 12 tháng 6 năm 1885, nhờ quân số đông hơn, địa thế thích hợp và thời tiết, tướng Lưu Vĩnh Phước được thổ dân Đài Loan bầu làm tổng thống đầu tiên ở Á Châu ; 100 ngày sau, hải quân Nhật Hoàng lại đô bộ lên Đài Loan tiêu diệt Cờ Đen và chiếm đảo này cho đến năm 1945]. Đạo quân phù tang tại Quảng Đông đang bị Tàu Dân Quốc đánh phá toi bời phải rút lui trong hỗn loạn qua Đông Dương - một cuộc hỗn loạn hình như có tổ chức từ Đông Kinh - họ đánh bại quân đội Pháp trên biên giới, chiếm Lạng Sơn tháng 9 năm 1940, nhờ một số người Việt Nam [Phục Quốc Quân, trong đó có người của kỳ ngoại hầu Cường Để] dẫn đường, sau đó số người Việt Nam này bị Nhật Bản giao lại cho Pháp bắt [Nhật Bản thắng Lạng Sơn nhất là nhờ có khí giới và cơ giới tối tân, theo đô đốc Decoux trong quyền sách kể trên của Ông].



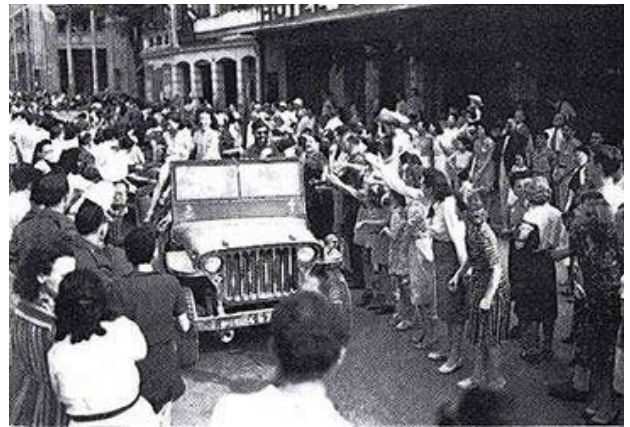
Tuy bị Nhật Bản phá khuấy, song nhà cầm quyền Pháp vẫn lo sợ Tàu Dân Quốc hơn. Tướng Mordant, chỉ huy trưởng quân đội Pháp tăng cường hệ thống phòng thủ tương tự "Ligne Maginot" thăm thương bên Pháp [để chặn đường quân Đức tràn sang, song Đức lại chiếm Bỉ Quốc trước và đánh vòng "Ligne Maginot" để chiếm Pháp]. Bốn năm sau, tướng Mordant lại bí mật được chánh Phủ lâm thời Pháp [của tướng De Gaulle] bổ nhiệm làm đại diện chánh thức [trong lúc đô đốc toàn quyền Decoux dưới quyền thống chế Pétain theo Đức].

Năm 1941 càng thêm rất rối. "Vichy" [chánh phủ Pháp của thống chế Pétain thân Đức đóng đô ở thành phố nhỏ này] ký thoả ước với Đông Kinh phòng thủ chống Tàu Dân Quốc. Sau khi Nhật Bản tấn công Huê Kỳ vào tháng chạp, Nhật Bản dựa trên thoả ước đó để buộc Pháp tham gia cuộc chiến nhứt là trong lãnh vực phòng không [Huê Kỳ và Tàu Dân Quốc là đồng minh]. Trong giới Pháp có nhóm người từ chối và phá hoại. Sự kháng cự này là một trong những lý do mà Nhật Bản viện ra để đảo chánh Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945. Quyền lợi của người Đông Dương, bản xứ hay gốc Pháp, nhứt là ngành hàng hải để tiếp tế cứu nguy cho sống còn của [dân] miền Bắc, bị tê liệt, vì oanh tạc cơ Huê Kỳ đánh phá thiệt hại nặng nề.



"Nước Pháp Tự Do" ["la France Libre", chống Đức Quốc Xã] tuy không có nhơn cách pháp lý, lại chánh thức tuyên chiến với Nhật Bản sau cuộc tấn công Trân Châu Cảng. Lúc đó, sự chống lại kẻ xâm chiếm mới trở thành cuộc kháng cự. Đối với những người Pháp còn tiếp tục thần phục [chánh phủ] Vichy sau khi [chánh phủ này] tan rã, đối địch với Nhật Bản chỉ bắt đầu từ ngày 9 tháng 3 năm 1945, và chính Nhật Bản khởi hấn khi họ hủy bỏ các thoả hiệp trước đây với Pháp. Trong thời gian giữa Trân Châu Cảng và Nhật lật đổ Pháp, các nhà quốc gia "Đông Dương" nhứt là Việt Nam từ từ ra mặt hấn hoi chống lại thực dân Pháp. Hơn nữa, nhiều người còn ủng hộ Nhật Bản, vì Nhật Bản tuyên bố ba xứ Đông Dương được độc lập sau khi họ quét tàn tích cuối cùng của chánh quyền Pháp.

Thực ra, năm 1942, nước Pháp [tự do] tuy từ từ trở lại chiến đấu trong nhứt trí ở Alger, nhưng vẫn không đủ phương tiện và tin tức để phát hoạ một chương trình hoạt động tổng quát và ăn khớp ở Đông Dương. Ngoài ra, nước Pháp còn dựa trên hai đồng minh ngược chí hướng : Anh Quốc và Huê Kỳ. Anh Quốc [có thuộc địa] thì ủng hộ nhưng phương tiện eo hẹp và phải khởi xuất từ cứ điểm xa xôi bên Ấn Độ. Huê Kỳ lại có căn cứ bên Tàu kế cận nhưng đeo đuổi một chánh sách ngược lại quyền lợi nước Pháp mà họ tìm cách hắt cẳng. Thời đó, nhiều cơ quan Huê Kỳ [nhứt là major Patti, trưởng nhóm OSS, Office of Strategic Service, Bắc Đông Dương mà nhiều sách sử kể lại] khuyến khích các tổ chức tranh đấu và những người mà họ nghĩ sẽ phục vụ quyền lợi của Huê Kỳ trong đó có một người mang danh Hồ Chí Minh !



Thời đó, có những người Pháp rất gan dạ khi họ cố gắng tiếp xúc với đồng minh, mặc dầu họ chỉ nhận được sự yểm trợ thật sự quá nhỏ nhoi. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Pháp có tập hợp vài nơi theo kế hoạch đã sắp đặt trước, song cuộc kháng cự chống tàn vì không được hỗ trợ từ bên ngoài. Cuộc kháng cự đáng kể nhứt chỉ kéo dài được vài ngày ở mũi Cà Mau. Chỉ huy trưởng được truy tặng bội tinh chiến hữu giải phóng [Croix de Compagnon de la Libération]. Còn ở miền Bắc, phần tàn quân thoát khỏi lưới Nhật Bản vượt được biên giới thì họ được đồng minh Tàu "tiếp rước", giải giới và giam cầm. Trái với truyền thống quân đội, cuộc kháng cự [của Pháp ở] Đông Dương tuy trải qua bao khó khăn nhưng cũng không được vinh danh.@

Kháng cự (của Pháp) tại Đông Dương (1940-1945)

hay Trang sử Pháp Việt 1940-1945

Tác giả : Hải Quân Đại Tá (hồi hưu) Jean-Pierre GOMANE

Trích dịch : Trần-Văn-Thu

[...] : Chủ thích bổ túc của Trần-Văn-Thu

Tháng 11 năm 2004

Hải Quân Đại Tá (hồi hưu) Jean-Pierre GOMANE là phó chủ tịch Viện Thái Bình Dương (Institut du Pacifique). Bài "Les Résistances en Indochine entre 1940 et 1945" của Ông đăng trong quyển sách "Hoà Bình và Chiến Tranh ở Đông Dương 1935-1955" (Paix et Guerre en Indochine 1935-1955). Quyển sách này do Trung Tâm Lịch Sử Quân Sự và Nghiên Cứu Quốc Phòng (TTLSQSNQCP) thuộc Viện Đại Học Montpellier (Pháp) ấn hành. Tôi nhận thấy bài của Ông chứa đựng một số sự việc lịch sử, trong rất nhiều sự việc khác - mà ít người dưới tuổi 70 được biết - từ từ dẫn đến chiến tranh tương tàn và đưa đẩy nhiều anh chị em chúng ta tìm đường tẩu thoát tha hương cầu tự do, nên tôi xin được phép của Ông và của TTLSQSNQCP để đăng trên Lá Thơ Công Chính.



"Kháng cự" có nghĩa chung là "chống cự lại một cuộc tấn công" hoặc là "từ chối qui thuận". Nói về Đông Dương, về cả vùng Đông Dương hay bàn về Đông Dương thời bấy giờ, ta có thể đặt câu hỏi : ai kháng cự với ai ? Lịch Sử đã gọi toàn cuộc khủng hoảng của thời gian đó là "Đệ Nhị Thế Chiến".

Ở Pháp, danh từ "Résistance" với chữ R viết hoa [dịch ra tiếng Việt là : kháng chiến (chống Đức Quốc Xã)] không có đồng một nghĩa với danh từ đó tại Đông Dương vì nơi đây môi trường và những người trong thế cuộc khác hẳn.

Ai kháng cự lại ai ?

Thông thường, mọi cuộc tranh chấp có hai phe, mỗi phe lại trả lời câu hỏi trên một cách khác. Người ta có thể thấy rằng liên quan đến Đông Dương trong những năm 1940 có [không phải 2 phe, mà] đến ba nhóm. Thứ nhất, nhóm người "Đông Dương" gồm mọi thành phần chủng tộc. Thứ hai là nhóm mọi kẻ thù ra mặt hay không ra mặt theo lệ ngoại giao. Cuối cùng là nhóm đồng minh chính thức mà quyền lợi được tuyên bố hay thật sự lại xấp gần hơn với kẻ thù !

Nhóm người Đông Dương, mặc dầu rất hỗn tạp và trái ngược giữa họ, lại đồng có một ý chí với thực dân [Pháp] sau một thế kỷ chung sống, muốn có một lãnh thổ, một thực thể chung ít nữa là trên mặt hành chính [1930, đảng cộng sản đông dương, thay vì Việt Nam]. Người bản xứ, như là giữa người Việt Nam và người Cao Miên tuy kỵ hiềm nhau vì nhiều lý do chính trị, kinh tế, ý niệm tương lai ..., chấp nhận thể chế liên bang. Không ít người còn muốn sự hiện diện của Pháp tồn tại với giá thực dân cải tiến cơ cấu, trách nhiệm và cả tâm trí !

Những người theo chủ nghĩa quốc gia thì đi tìm sự hỗ trợ trái ngược nhau của ngoại quốc, như quốc tế vô sản, hay tự do và chống thực dân của Huê Kỳ, hoặc sự trỗi dậy của Nhật Bản sau chiến thắng đế quốc "da trắng" Nga Hoàng [1904-1905, sau khi hải quân Nhật Bản tiêu diệt hạm đội Viễn Đông của Nga Hoàng, Nhật Bản chiếm một phần đảo Sakhaline và kiểm soát Mãn Châu và Triều Tiên], hoặc cường quốc Tàu bên cạnh.

Người Đông Dương gốc Pháp cũng không đồng nhất. Họ quá ít ỏi, không hơn hai ngàn, để có thể kết hợp thành một cộng đồng. Phần nửa sống ở đây từ hai hay ba thế hệ. Phần còn lại, từ Pháp sang, thì hầu hết toàn là công chức hay quân nhon, chỉ cư trú trong một thời gian ngắn ngủi. Mỗi con người họ là một tiểu vũ trụ với cá tính xã hội, chánh trị, ý thức hệ khác nhau ... từ mẫu quốc mang qua và thổi phồng thêm trong mùa hạ năm 1940.

Vào thời đó, thù địch chánh thức của nước Pháp là nước Đức từ tháng 9 năm 1939 và nước Ý Đại Lợi từ tháng 6. Còn quan hệ giữa Pháp và Nhật Bản thì rất đáng lưu ý. Trừ vài bất hoà ngắn ngủi trong mấy năm 1893, 1905 và 1932, đối với ngoại giao Pháp, Nhật Bản là một cứ điểm ổn định tại Viễn Đông, vùng này bị xáo trộn từ hỗn loạn năm 1911 bên Tàu, mặc dầu Nhật Bản liên kết với Đức năm 1936 để chống đệ tam quốc tế. Nước láng giềng Xiêm La lại ký Thỏa ước bất xâm phạm với Anh Quốc để được xứ này giúp đỡ phá khuấy đế quốc Pháp. Về sau Xiêm La lại được Nhật Bản giúp đỡ trong ý đồ này, nhứt là đòi chủ quyền trên một phần lãnh thổ Đông Dương khiến cho Đô Đốc Toàn Quyền Decoux phải ra tay trước tiêu diệt các chiến hạm tối tân Xiêm La [mới mua] tại Kok Chang ngày 17 tháng giêng năm 1941 [trước khi thủy thủ xứ này được huấn luyện tinh nhuệ và trở thành nguy hiểm, theo Đô Đốc Decoux trong quyển



"A la barre de l'Indochine 1939-1945", tuy nhiên, nhờ áp lực của Nhật Bản, Pháp cũng phải nhượng cho Xiêm La một số tỉnh của Cao Miên và Lào, và nếu không có chiến thắng Kok Chang thì Pháp cũng có thể mất thêm vài vùng có người Thái ở Bắc Việt Nam].

Liên hệ của chúng ta với đồng minh cũng không kém mơ hồ. Nguồn tiếp sức duy nhứt của ta là Luân Đôn, rất nhỏ nhoi và chậm trễ, vì xứ này còn phải đơn phương độc mã chống lại Đức và Ý từ tháng 6 năm 1940 đến tháng chạp năm 1941. Sau khi "Ủy Ban" [le Comité] rời Luân Đôn sang Alger và biến thành "Chánh Phủ Lâm Thời" [của kháng chiến Pháp dưới sự điều khiển của thiếu tướng De Gaulle], Anh Quốc duy trì đoàn kết chắc chắn với hai cường quốc Pháp và Hoà Lan có thuộc địa như Anh, chống lại ý định của Tổng thống Roosevelt tìm bãi bỏ chế độ đế quốc đó, và lại quân đội Huê Kỳ có mặt trên biên giới Tàu-Việt.

Nước Tàu, có hai chánh phủ thù nghịch nhau Trung Khánh và Nam Kinh, thì tìm mọi cách đuổi Pháp chẳng những ra khỏi Đông Dương mà còn ra khỏi các nhượng địa bên Tàu. Riêng Liên Bang Xô Viết rất minh bạch, vì Lénine xem chiến tranh chống thuộc

địa thuộc phân cách mạng [vô sản] thế giới.

Kháng cự bằng cách nào ?

Muốn tường trình trung thực các sự việc thì phải đặt các sự việc đó vào đúng thời điểm, nếu không thì các sự việc có ý nghĩa trái ngược. Lịch sử là một thời gian biểu. Vì thế, Đệ Nhị Thế Chiến khởi phát từ tháng 7 năm 1937, từ khi Tàu và Nhật Bản đánh nhau mà kẻ xâm lăng không có tuyên chiến. Nhưng chiến tranh thật sự là thế giới ngày 7 (hay 8 tùy theo bán cầu) tháng chạp năm 1941, khi mà tất cả các nước tham dự đều nhảy vào cuộc đánh nhau.